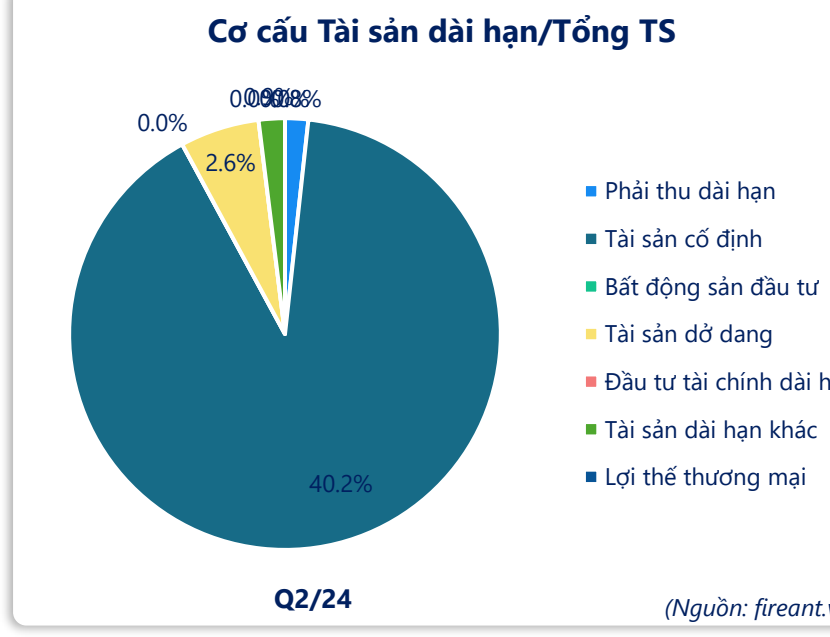
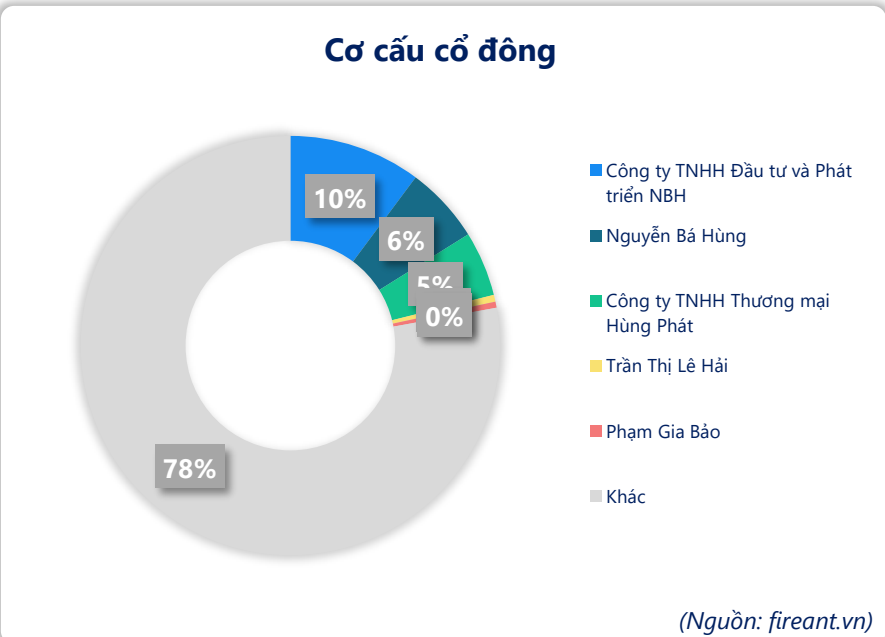
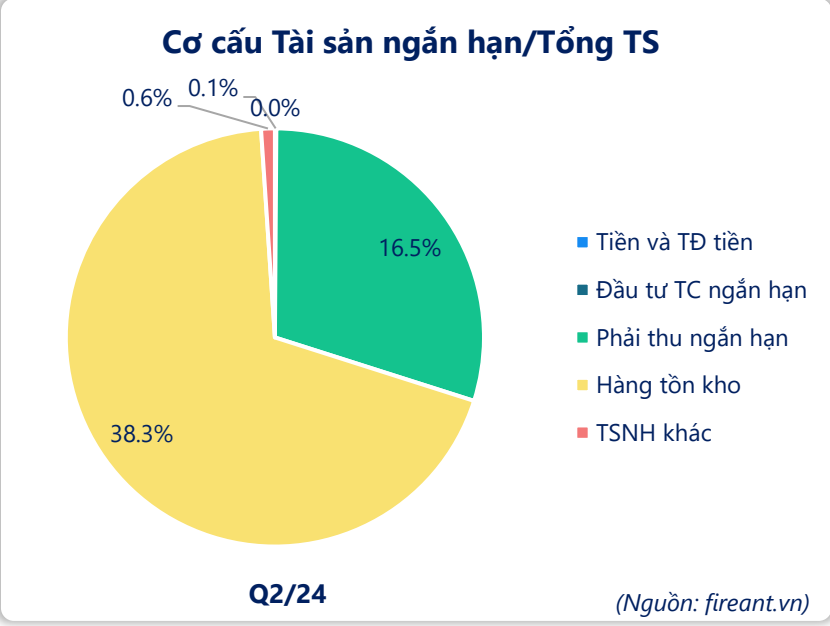
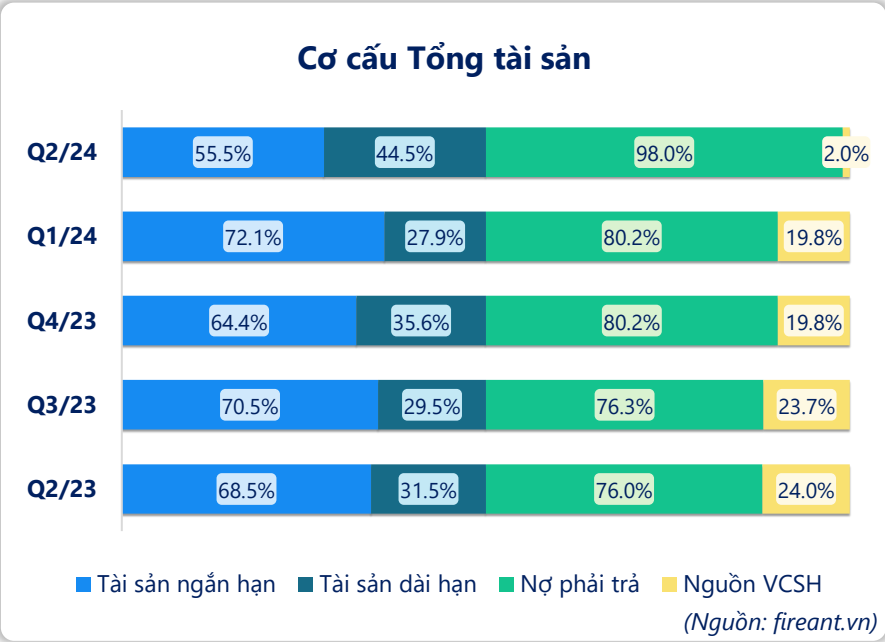
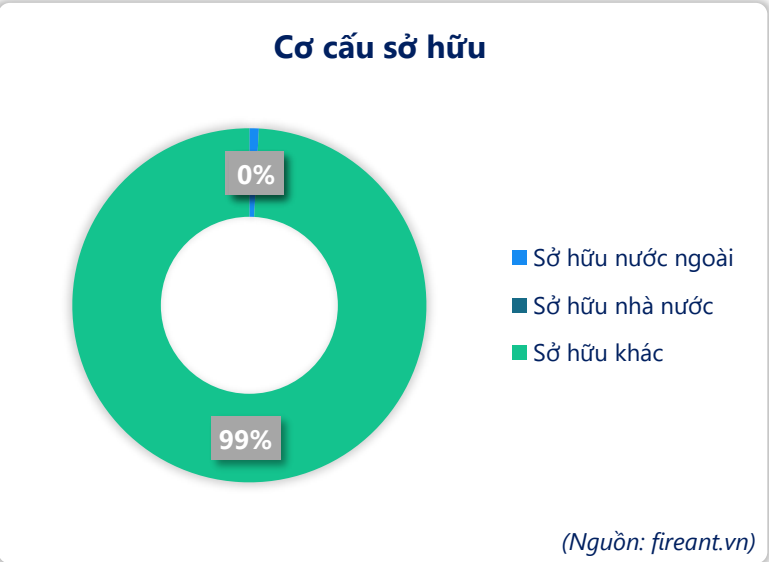
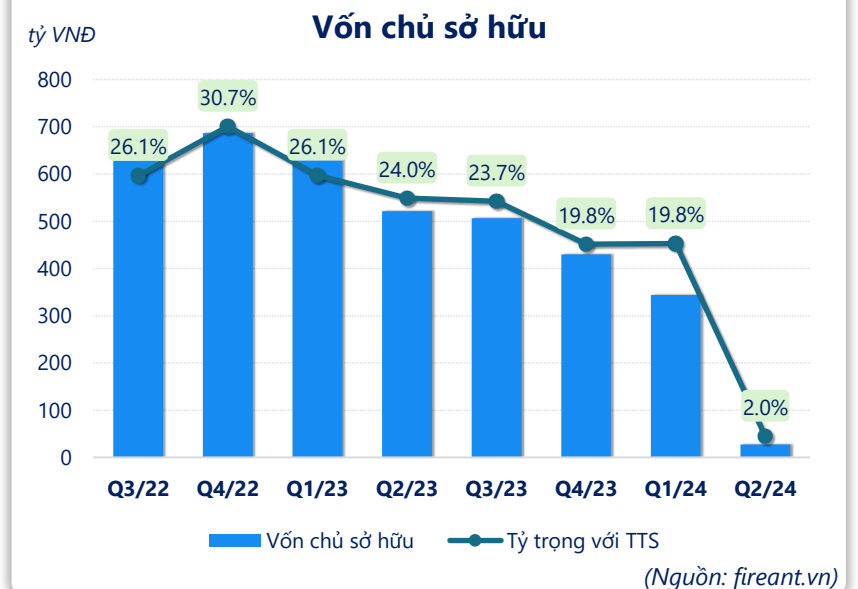
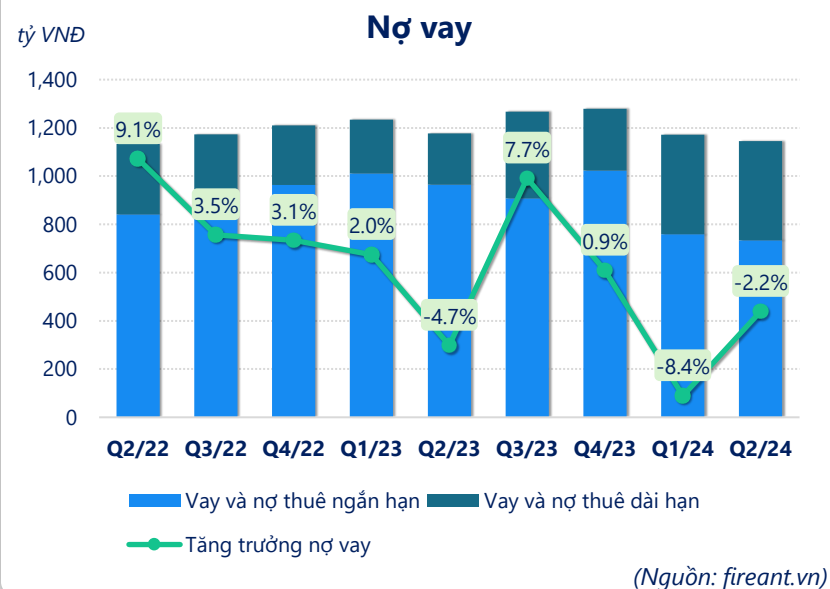
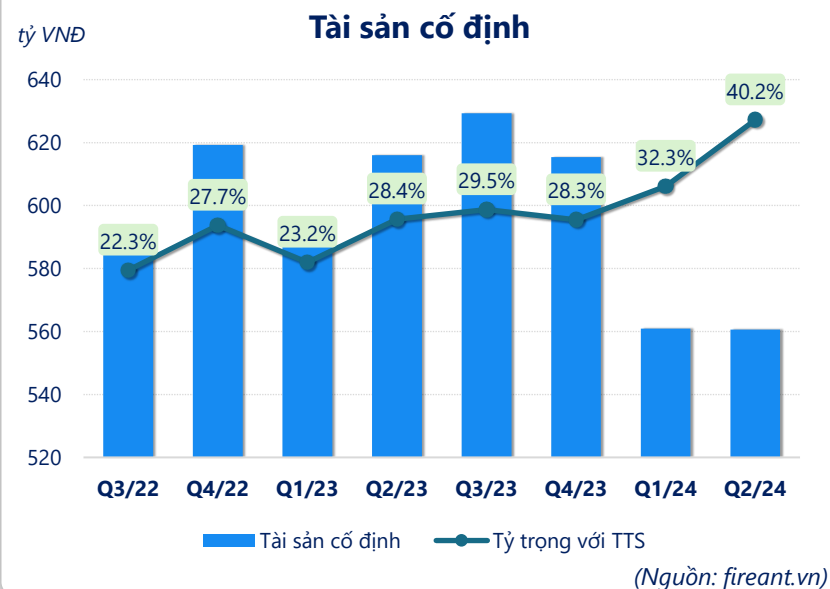
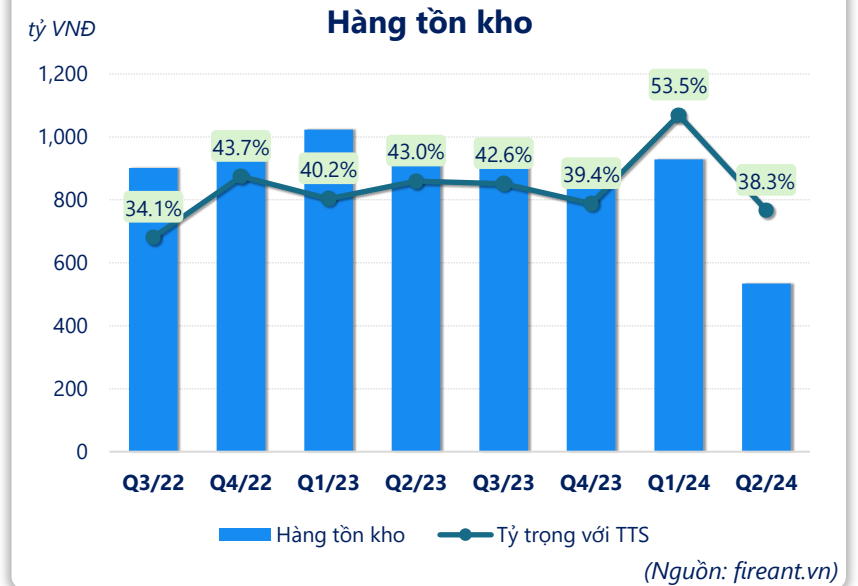
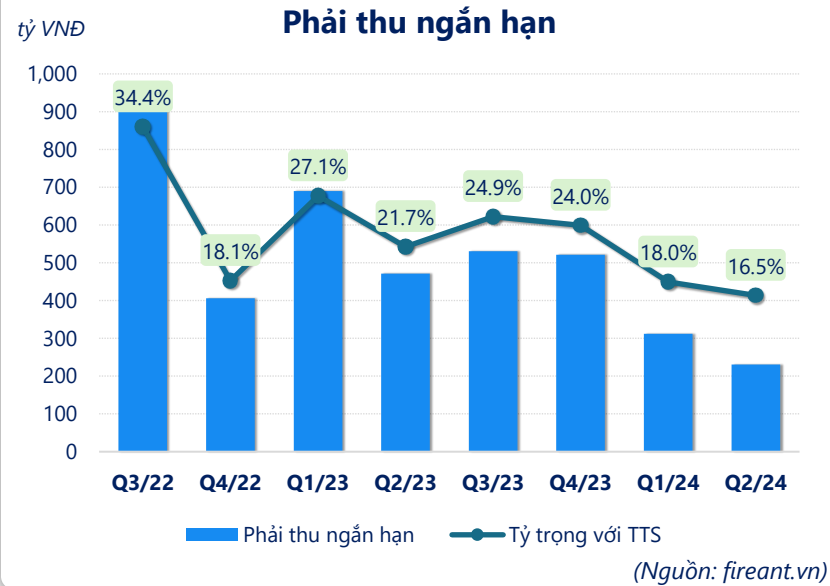
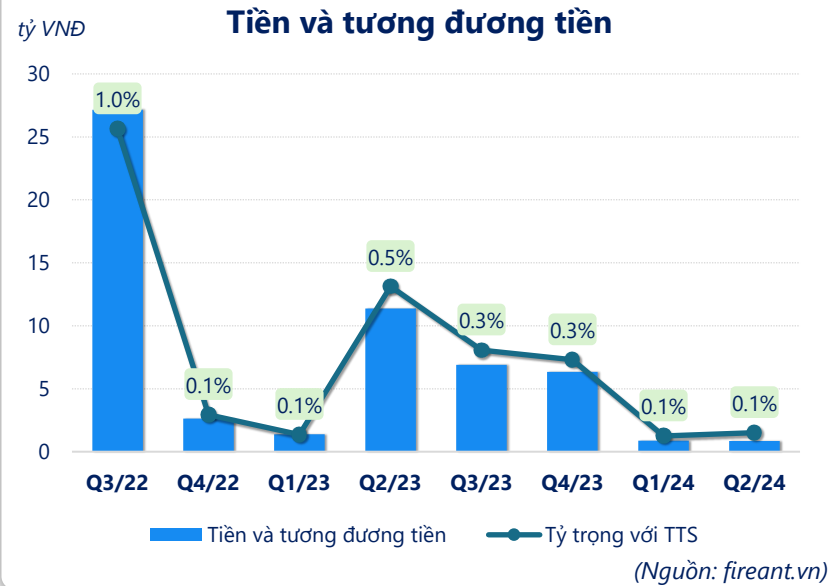


Thông tin giao dịch		28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		2,420
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		5,770
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		2,420
SL cổ phiếu LH		60,312,128
KLGD BQ 20 phiên (CP)		198,570
% sở hữu nước ngoài		0.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		146
P/E		-1.4
EPS		-1,744

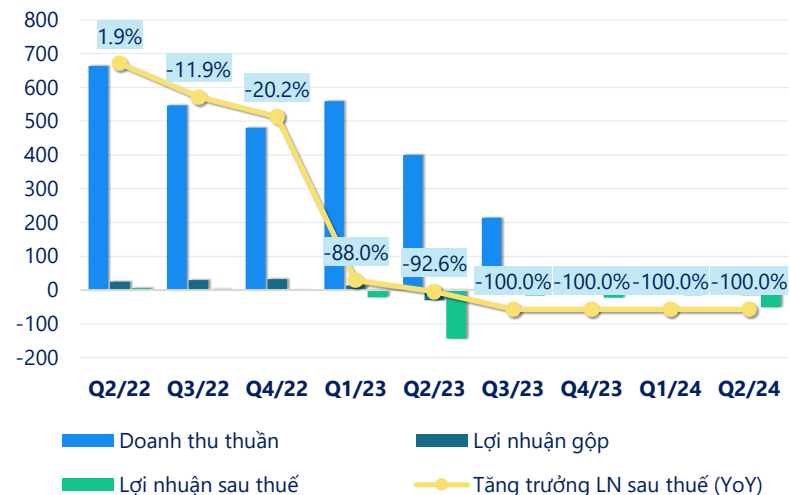
	YTD	1T	3T	6T
DAG	-23.4%	-11.7%	-23.4%	-23.2%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%





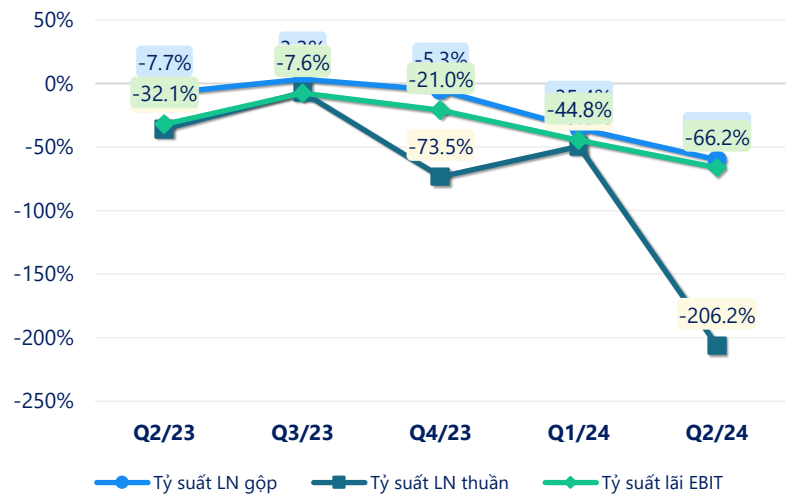
Kết quả kinh doanh

tỷ VNĐ



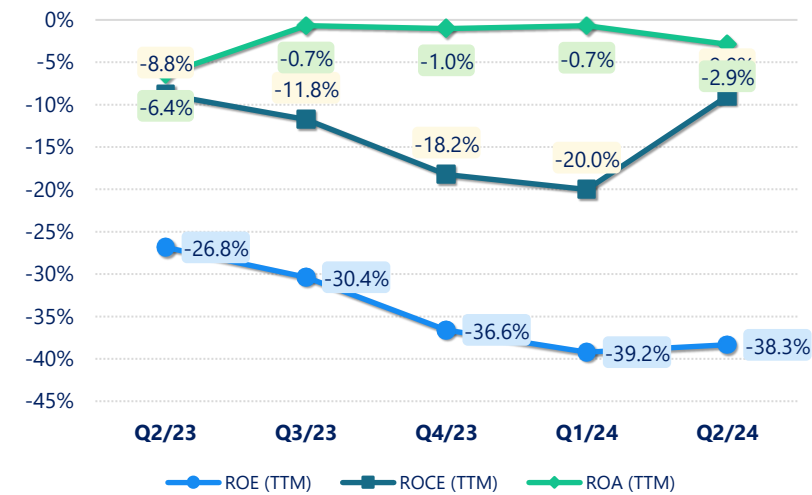
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



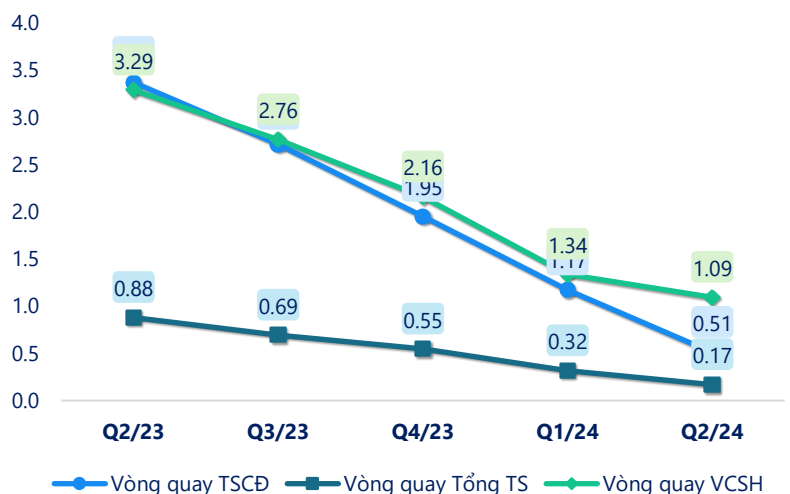
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



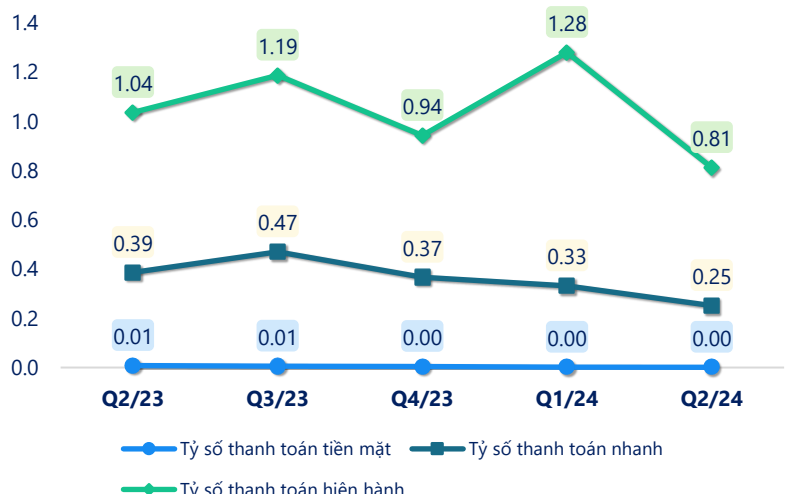
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

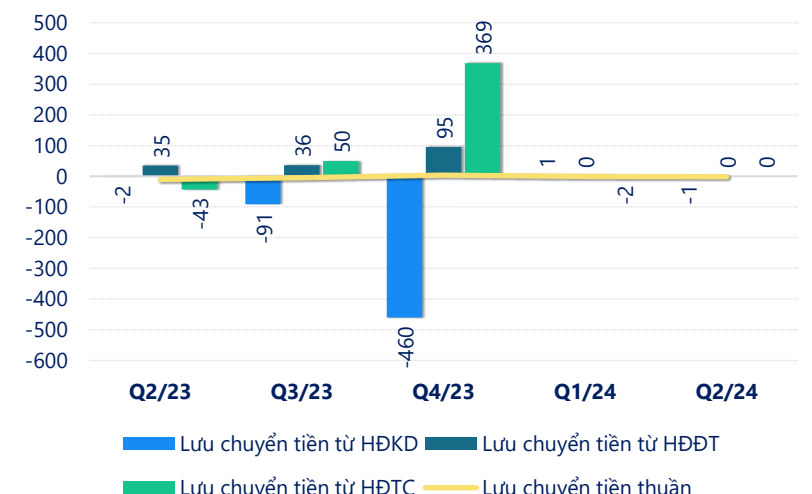
Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,395	1,442	-3.3%
Tài sản ngắn hạn	774	799	-3.1%
Tiền và tương đương tiền	0.84	2.63	-67.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	231	231	0.0%
Hàng tồn kho	535	558	-4.1%
Tài sản ngắn hạn khác	8.22	7.99	2.8%
Tài sản dài hạn	620	643	-3.5%
Phải thu dài hạn	10.8	10.8	0.0%
Tài sản cố định	561	583	-3.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	36.9	36.9	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	12.2	12.9	-5.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,368	1,362	0.4%
Nợ ngắn hạn	954	871	9.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	734	721	1.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	61.1	33.3	83.3%
Nợ dài hạn	413	491	-15.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	412	490	-15.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	27.3	80.2	-66.0%
Vốn chủ sở hữu	27.3	80.2	-66.0%
Vốn điều lệ	603	603	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	400	214	30.7	30.3	25.0
Giá vốn hàng bán	431	207	32.3	41.1	40.0
Lợi nhuận gộp	-30.7	7.14	-1.63	-10.7	-15.0
Doanh thu HĐTC	1.42	7.84	0.37	0.07	0
Chi phí TC	16.6	21.3	15.9	1.47	35.0
Chi phí lãi vay	15.6	0	15.9	1.47	35.0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.58	1.94	0.90	0.22	0
Chi phí QLDN	94.8	6.67	4.47	2.70	1.56
LN thuần từ HĐKD	-143	-15.0	-22.5	-15.1	-51.6
Lợi nhuận khác	-0.87	-1.27	0.20	0	0
LN trước thuế	-144	-16.2	-22.3	-15.1	-51.6
Lợi nhuận sau thuế	-144	-16.2	-22.3	-15.1	-51.6
LNST của CĐ cty mẹ	-144	-16.2	-22.3	-15.1	-51.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2.04	-90.8	-460	0.90	-1.26
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	34.6	36.4	95.4	0.07	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-43.0	49.9	369	-1.50	0
Tiền đầu kỳ	21.8	11.4	2.58	1.39	0.87
Lưu chuyển tiền thuần	-10.4	-4.49	3.76	-0.52	-1.26
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0	0	0
Tiền cuối kỳ	11.4	6.89	6.34	0.87	0.84

(Nguồn: fireant.vn)